

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2022

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Hạnh;

2. Ông Lê Thành Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 971/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị Cẩm T, sinh năm 1987.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp PAB, xã PV, huyện TC, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Nhà trọ QH (số nhà 80), đường D8-N1, khu phố x, phường TH, thị xã BC, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Mã L, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký thường trú: Ấp PAB, xã PV, huyện TC, tỉnh An Giang..

Tạm trú tại: Nhà trọ VVN, tổ 2, khu phố 4, phường MP, thị xã BC, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Mai Thị Cẩm T trình bày:

Bà T và ông Phạm Mã L sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện làm đám cưới và về chung sống với nhau từ năm 2005, đến năm 2008 thì đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã PV, thị xã TC, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống giữa vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân do ông L không chăm lo cho gia đình, đã có vợ con nhưng thường xuyên vui chơi, ăn nhậu cùng bạn bè, ngoài ra ông L còn quan hệ lãng nhãng với những người phụ nữ khác. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà T đã chủ động sống ly thân với ông L từ năm 2016 cho đến nay. Quá trình ly thân thì ông L đã chung sống ngay với người phụ nữ khác, giữa hai vợ chồng cũng không còn quan tâm, chăm sóc, không nói chuyện, không có bất kỳ liên hệ với nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông L.

Quá trình chung sống, bà T và ông L có một con chung là Phạm Thái H, sinh ngày 02/11/2008. Từ sau khi vợ chồng sống ly thân thì ông L đề nghị bà gửi con về cho ông bà nội nuôi, bà đồng ý nên cháu H đã ở với ông bà nội từ năm 2016 cho đến nay. Nay khi ly hôn, bà T có xem xét nguyện vọng của cháu H, cháu cũng muốn sống với bà T nên bà yêu cầu Tòa án xem xét cho bà được nuôi cháu H. Bà T có đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa bà T và ông L không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn ông Phạm Mã L:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát không tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Phạm Mã L. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho ông Phạm Mã L theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, trụ sở Ủy ban nhân dân phường nơi bị đơn cư trú và trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông Phạm Mã L không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

* Kiểm sát viên đại diện VKSND thị xã Bến Cát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn được quyền ly hôn với bị đơn. Về con chung, đề nghị giao cháu Phạm Thái H, sinh ngày 02/11/2008 cho bà Mai Thị Cẩm T nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà T tự nguyện không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Các đương sự có tranh chấp về ly hôn và nuôi con. Bị đơn ông Phạm Mã L có địa chỉ cư trú tại: Khu phố 4, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, nên vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Mã L đã được triệu tập hợp lệ lần 2 để tham gia phiên tòa, nhưng ông L vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự (theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

Về người tham gia tố tụng: Xét con chung của bà T và ông L hiện đang do ông bà nội là ông Phạm Văn K, sinh năm 1959 và bà Võ Thị Ngọc Tg, sinh năm 1962; cùng trú: Ấp PAB, xã PV, huyện TC, tỉnh An Giang. Quá trình giải quyết vụ án, ông K và bà Tg đã có văn bản trình bày ý kiến về việc không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự cũng như các vấn đề có liên quan đến vụ án đối với các đương sự, đồng thời có yêu cầu từ chối tham gia tố tụng. Xét ông K và bà Tg đã trình bày ý kiến đầy đủ và việc từ chối tham gia tố tụng là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận, không đưa ông K và bà Tg vào tham gia tố tụng trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Mai Thị Cẩm T và ông Phạm Mã L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PV, thị xã TC, tỉnh An Giang vào ngày 26/11/2008 theo số 139/HT, quyển số 01/2018. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là hợp pháp.

Nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông L do bà T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân hơn 07 năm nay. Xét thấy, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên

tòa xét xử vụ án, điều đó cho thấy bị đơn không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hàn gắn tình cảm với nguyên đơn. Nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân trong một thời gian rất dài và không còn quan tâm chăm sóc nhau theo đúng nghĩa vợ chồng. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Xét cháu Phạm Thái H, sinh ngày 02/11/2008 đang sống với ông bà nội ở An Giang, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án cháu H đã trực tiếp có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát và trình bày nguyện vọng của cháu là muốn được sống với bà T, bà T có công việc và thu nhập ổn định, bà T tự nhận thấy mình đủ khả năng nuôi dưỡng cháu H nên việc bà T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H là có căn cứ chấp nhận. Bà T cũng tự nguyện không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con, nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đúng quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Cẩm T đối với bị đơn ông Phạm Mã L về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Mai Thị Cẩm T được ly hôn với bị đơn ông Phạm Mã L.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Thái H, sinh ngày 02/11/2008 cho bà Mai Thị Cẩm T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Phạm Mã L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T và ông L đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Ông L được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Mai Thị Cẩm T phải nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai số 0001133 ngày 13/10/2022 tại Chi cục THADS thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Bích